

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2024.F.1 (2024-2028)

Đơn vị: Khoa Trung

Ngành/ Định hướng: Sư phạm tiếng Trung

Dành cho SV có năng lực tiếng Trung bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	CHI2080	Tiếng Trung Quốc 1A	3	6
4	CHI2081	Tiếng Trung Quốc 1B	3	6
	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (1)	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
8	CHI2082	Tiếng Trung Quốc 2A	3	6
9	CHI2083	Tiếng Trung Quốc 2B	3	6
10	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (2)	3	3
		(Tiếng TQ cơ bản sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6
14	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6
	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (1)	0	3
15-16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	PSF3007	Tâm lý học	3	3
19	CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
20	CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
21	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (2)	3	3
		(Tiếng TQ nâng cao sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
22	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
23-24		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	22	28

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	PSF3008	Giáo dục học	3	3
27	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
33	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3

